

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ HỢP
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2021/HS-ST**

Ngày: 28/4/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Hoàng Thị Đào.

2/ Ông Vi Văn Bốn.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2021/TLST – HS ngày 09 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST–HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn N**, tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 15 tháng 02 năm 1992 tại huyện N, tỉnh Nghệ An.

Trú tại: Xóm C, xã NH, huyện N, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phạm Văn L, con bà: Nguyễn Thị H.

Vợ: Hồ Thị X và có 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt)

- Người bị hại:

1. Ông **Hồ Đ**; Sinh năm: 1955. (Có mặt)

2. Bà **Lê Thị T**; Sinh năm: 1954. (Vắng mặt)

Đều trú tại: Xóm ĐT, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ sáng ngày 03/11/2020, bị cáo Phạm Văn N đi xe máy từ nhà của mình ở xóm C, xã NH, huyện N, tỉnh Nghệ An đến nhà bố, mẹ vợ là ông Hồ D, bà Lê Thị T ở xóm ĐT, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An để ăn giỗ. Khi đến nơi N quan sát thấy ông D và bà T không có mặt ở nhà vì đã đến nhà của ông Hồ Văn T (là anh trai ruột của ông D) ở cùng trong xóm để chuẩn bị cho đám giỗ mẹ đẻ của ông D, do biết vị trí bà T thường cất chìa khóa cửa nên N đã nảy sinh ý định mở cửa tìm tài sản có giá trị để bán lấy tiền tiêu xài. N đi xuống gian bếp lấy chìa khóa được cất giấu trong hộp đựng dũa, đi lên nhà lớn mở cửa vào lục tìm trong tủ tài sản có giá trị để lấy, N tìm thấy 02 chiếc nhẫn màu vàng cất trong 01 chiếc hộp nhựa màu đỏ và số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) để trong ví, N đã lấy toàn bộ số tài sản trên cất giấu vào trong người. Do sợ hành vi của mình bị phát hiện nên N đã lấy 01 con dao trong bếp lên chặt nhiều nhát vào ổ khóa cửa chính nhằm nguy tạo hiện trường giả, đánh lạc hướng xảy ra một vụ trộm bị cạy phá khóa. Thực hiện xong hành vi N đi đến nhà ông Hồ Văn T để ăn giỗ cùng mọi người trong gia đình, sau khi ăn giỗ xong N đi về nhà của mình ở xã NH, huyện N và cất giấu toàn bộ tài sản trộm cắp được vào sau bàn thờ của gia đình. Vào trưa cùng ngày gia đình ông D, bà T phát hiện bị mất tài sản nên đã viết đơn trình báo sự việc lên Công an xã Đ, đến ngày 10/11/2020 do thấy việc làm của mình là sai trái nên N đã đến cơ quan Công an đầu thú, thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

- Kết luận giám định số: 8929/C09-P4 ngày 21/12/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận:

+ 01 (một) nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ và số “KIM NGOC ĐỊNH 9999” gửi giám định có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,40%. Ngoài ra còn có bạc (Ag), đồng (Cu); Hàm lượng Ag: 0,46%; Cu: 0,14%.

+ 01 (một) nhẫn hình tròn bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ và số “NGUYỄN LÚA 9999” gửi tới giám định có khối lượng 3,75 gam là vàng (Au); Hàm lượng Au: 99,42%. Ngoài ra còn có bạc (Ag), đồng (Cu); Hàm lượng Ag: 0,47%; Cu: 0,11%.

- Kết luận giám định số: 512/KL-PC09(Đ3) ngày 17/12/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) (có bảng kê mệnh giá, mã số hiệu tiền kèm theo) gồm: 08 (tám) tờ tiền Việt Nam mệnh giá 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) là tiền thật.”

- Tại bản kết luận định giá tài sản số: 73/KL-HĐĐG ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Quỳnh Hợp kết luận:

+ Định giá 01 nhẫn hình tròn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ và số “KIM NGOC ĐỊNH 9999” có khối lượng 3,75g là vàng (Au), hàm lượng Au: 99,4%, Bạc (Ag): 0,46%, Đồng (Cu): 0,14% là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

+ Định giá 01 nhẫn hình tròn, bằng kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có chữ và số “NGUYỄN LÚA 9999” có khối lượng 3,75g là vàng (Au). Hàm lượng Au: 99,42%; Bạc (Ag): 0,47%, Đồng (Cu): 0,11% là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSQH ngày 07/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An truy tố đối với bị cáo Phạm Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, bị cáo hoàn toàn nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An đối bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn N từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Buộc bị cáo Phạm Văn N chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường thêm về phần dân sự nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản bị mất cho chủ sở hữu nên đề nghị miễn xét.

Đối với vật chứng còn lại gồm 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp và 01 con dao, bị hại không yêu cầu trả lại nên đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo và người bị hại có mặt không có ý kiến, tranh luận gì thêm.

Nói lời nói sau cùng tại phiên tòa, bị cáo xin lỗi người bị hại và nhận tội, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội: Căn cứ đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, kết luận giám định và định giá tài sản, bản tự khai, lời khai của bị cáo, bị hại, người làm chứng liên quan tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ cơ quan điều tra đã thu thập tại hồ sơ vụ án phù hợp với lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, có đủ căn cứ xác định:

Vào ngày 03/11/2020 lợi dụng gia đình ông Hồ D, bà Lê Thị T không có người ở nhà và biết nơi thường cất chìa khóa nhà, bị cáo Phạm Văn N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên đã có hành vi lén lút mở cửa vào lục tủ tìm lấy đi 02 chiếc nhẫn vàng cùng số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) có tổng giá trị là 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự theo như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quý Hợp là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của bị cáo xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh, an toàn xã hội trên địa bàn, gây tâm lý lo lắng hoang mang trong quần chúng nhân dân, nên cần buộc bị cáo phải chịu mức án tương xứng với mức độ, hành vi, hậu quả do bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân sống có ích cho xã hội và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Tuy nhiên qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi đã thực hiện của mình; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, giữa bị cáo và người bị hại có mối quan hệ là người thân trong gia đình (bị hại là bố, mẹ vợ của bị cáo), trong quá trình điều tra bị hại có đơn, cũng như tại phiên tòa giữ nguyên ý kiến xin xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bản thân bị cáo trước khi phạm tội có nhân thân tốt, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Để cho bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, qua đó thể hiện được tính nhân văn của pháp luật Nhà nước ta, cần xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tự mình cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của mình dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương là đủ nghiêm.

Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội, nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình nên đã tự nguyện đầu thú, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đó là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự quy định, khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo còn có thể bị khấu trừ một phần thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo có công việc, thu nhập ổn định, với công việc là lái xe ô tô tải thuê, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 6.000.000 đồng/tháng, do đó cần xem xét khấu trừ một phần thu nhập với mức 5% mỗi tháng đối với bị cáo.

[5] Vật chứng: + 02 chiếc nhẫn hình tròn kim loại màu vàng, mặt trong nhẫn có ghi chữ và số “KIM NGOC ĐỊNH 9999” và “NGUYỄN LÚA 9999”; 01 khung ảnh thờ màu vàng cùng số tiền 400.000 đồng, trong quá trình điều tra đã được cơ quan điều tra Công an trả lại cho chủ sở hữu (thể hiện tại Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 31/12/2020) nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

+ Đối với vật chứng là 01 (một) ổ khóa màu đen, loại Việt Tiệp, làm bằng kim loại và 01 (một) con dao dài 31cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 6cm, lưỡi dao bằng kim loại, mỏng, dẹt dài 25cm là những vật không có giá trị, không còn sử dụng được, quá trình điều tra được xác định là tài sản hợp pháp của ông Hồ D và bà Lê Thị T, người bị hại không yêu cầu trả lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại ông Hồ D, bà Lê Thị T đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường gì thêm về phần dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Văn N 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Khấu trừ một phần thu nhập đối với bị cáo mỗi tháng **300.000 đồng** (Ba trăm nghìn đồng mỗi tháng) thi hành trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo về cho UBND xã NH, huyện N, tỉnh Nghệ An là nơi bị cáo cư trú quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện đầy đủ những nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

2. **Vật chứng:** Căn cứ khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) ổ khóa màu đen, loại Việt Tiệp, làm bằng kim loại.

+ 01 (một) con dao dài 31cm, cán bằng gỗ hình trụ tròn dài 6cm, lưỡi dao bằng kim loại, mỏng, dẹt dài 25cm.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm chi tiết thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 09/4/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Hợp và Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp)

3. **Án phí:** Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người bị hại ông Hồ D, vắng mặt người bị hại bà Lê Thị T.

Bị cáo và người bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- VKS ND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh hợp;
- Cơ quan điều tra CA huyện Quỳnh hợp;
- THADS huyện Quỳnh hợp;
- Bị cáo;
- Bị hại, NCQLNVLQ;
- lưu HS, VP ;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Đông